

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

1. Ông Nguyễn Thanh Trang

2. Ông Lâm Hải Trung

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông LU HAO CHUNG, sinh năm 09/03/1967. Nơi cư trú: Số B, hẻm A, đường Ô, khóm A, phường L, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2024, nguyên đơn Lê Thị Ngọc P trình bày:* Thông qua mai mối, bà và ông L HAO CHUNG quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2016. Sau khi kết hôn chị sang Đài Loan sinh sống cùng ông LU HAO CHUNG. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó chị về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với ông LU HAO CHUNG.

- Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn H, Y - J:* Ngày 02/5/2024 Tòa án có Công văn số 80/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện tổng đạt văn bản tổng tụng của Tòa án cho ông LU HAO CHUNG. Ngày 13/12/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 3689/BTP-PLQT ngày 25/11/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tổng đạt hồ sơ ủy thác cho ông LU HAO CHUNG vào ngày 23/9/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an, nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông L và ông LU HAO CHUNG cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P, cho bà Lê Thị Ngọc P được ly hôn với ông LU HAO CHUNG; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét; bà Lê Thị Ngọc P phải chịu án phí, chi phí ủy thác tư pháp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc P và ông L HAO CHUNG là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Lê Thị Ngọc P có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn LU HAO CHUNG đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ vào hồ sơ ủy thác tư pháp, ngày 23/9/2024 Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tổng đạt hồ sơ ủy thác cho ông LU HAO CHUNG bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an, nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông LU HAO CHUNG và ông LU HAO CHUNG cũng không có mặt tại Việt Nam để tham gia

phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long ký cấp ngày 07/3/2016 thể hiện bà Lê Thị Ngọc P1 và ông LU HAO CHUNG đã đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc P1 và ông LU HAO CHUNG là hợp pháp.

Bà P xác định, sau khi kết hôn bà sang Đài Loan sinh sống cùng ông LU HAO CHUNG, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Xét thấy, bà P và ông L HAO CHUNG không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà P sống ở Việt Nam còn ông LU HAO CHUNG sống ở Đài Loan, cả hai không còn liên lạc với nhau. Do bà P và ông LU HAO CHUNG vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà P ly hôn ông LU HAO CHUNG là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: bà Lê Thị Ngọc P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 56; Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; điểm b khoản 1 Điều 478; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc P.

Về hôn nhân: cho bà Lê Thị Ngọc P được ly hôn với ông LU HAO CHUNG.

Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014982 ngày 09/4/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Lê Thị Ngọc P đã nộp xong.

2.2 Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị Ngọc P phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015006 ngày 03/5/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Lê Thị Ngọc P đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 04;
- UBND BT: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Tư